

Số: 08/2022/QĐST-DS

Đông Triều, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành lập ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ, địa chỉ 1, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật ông Lê Văn T, chủ tịch Hội đồng quản trị S Người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn H, chuyên viên cao cấp xử lý nợ theo giấy ủy quyền số 6045/2022/UQ-S ngày 04/5/2022;

Bị đơn: ông Trần Bảo A sinh năm 1990, địa chỉ khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Các đương sự thoả thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng tín dụng số 309.1/2015/HĐTD/QN, ngày 10/09/2015.

2/ Về số tiền còn nợ:

2.1/ Tại Hợp đồng tín dụng số 309.1/2015/HĐTD/QN, ngày 10/09/2015.

Tính đến ngày 19/8/2022, ông Trần Bảo A còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số

tiền 1.043.889.207^d (một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm tám chín nghìn, hai trăm linh bảy đồng); trong đó nợ gốc 490.851.875^d (bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm lẻ một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi 346.872.163^d (ba trăm bốn sáu triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm sáu ba đồng), nợ lãi phạt 206.165.169^d (hai trăm linh sáu triệu, một trăm sáu năm nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng).

2.2/ Tại Hợp đồng tín dụng số 309.2/2015/HĐTD/QN, ngày 10/09/2015.

Tính đến ngày 19/8/2022, ông Trần Bảo A còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền 178.832.552^d (một trăm bảy tám triệu, tám trăm ba hai nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng); trong đó nợ gốc 80.639.046^d (tám mươi triệu, sáu trăm ba chín nghìn, không trăm bốn sáu đồng), nợ lãi 21.928.132^d (hai một triệu, chín trăm hai tám nghìn, một trăm ba hai đồng), nợ lãi phạt 76.265.374^d (bảy sáu triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

2.3/ Tổng số tiền nợ đối với hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 19/8/2022 là: 1.222.721.759^d (một tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm hai một nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là: 571.490.921^d (năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, chín trăm hai mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là: 368.800.295^d (ba trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng), lãi phạt quá hạn 282.430.543^d (hai trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn ba đồng).

3/ Về trách nhiệm trả nợ: ông Trần Bảo A phải trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.222.721.759^d (một tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm hai một nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là: 571.490.921^d (năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, chín trăm hai mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là: 368.800.295^d (ba trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng), lãi phạt quá hạn 282.430.543^d (hai trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn ba đồng) tính đến hết ngày 19/8/2022 và số tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 309.1/2015/HĐTD/QN và số 309.2/2015/HĐTD/QN cùng ngày 10/09/2015 kể từ ngày 20/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Trần Bảo A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì SeABank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 309/2015/HĐTC/QN ngày 10/9/2015 đối với Quyền sử dụng 131,9 m² đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất: Tổ 7A Khu 1, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA 721860, vào sổ cấp số: CH 04269 UBND Tp Hạ Long cấp ngày 04/9/2015 cho ông Trần Bảo A để xử lý thu hồi nợ cho SeABank, kèm theo sơ đồ đo vẽ thửa đất.

4/ Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho SeABank thì ông Trần Bảo A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

5/ Về chi phí tố tụng:

5.1 Ông Trần Bảo A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.050.000^d (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng ngày 10/8/2022, nên ông Trần Bảo A phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 9.050.000^d (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đ.

5.2 Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền chi phí tố tụng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự.

5.3 Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 950.000^d (chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên bản giao nhận ngày 10/8/2022 giữa ngân hàng TMCP Đ với Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều. Ngân hàng TMCP Đ đã nhận lại đủ số tiền trên.

6/ Về án phí:

6.1 Ông Trần Bảo A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.340.826^d (hai mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, tám trăm hai sáu đồng) theo quy định của pháp luật.

6.2 Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền 23.705.000^d (hai mươi ba triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009593, ngày 08/7/2022.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Cường